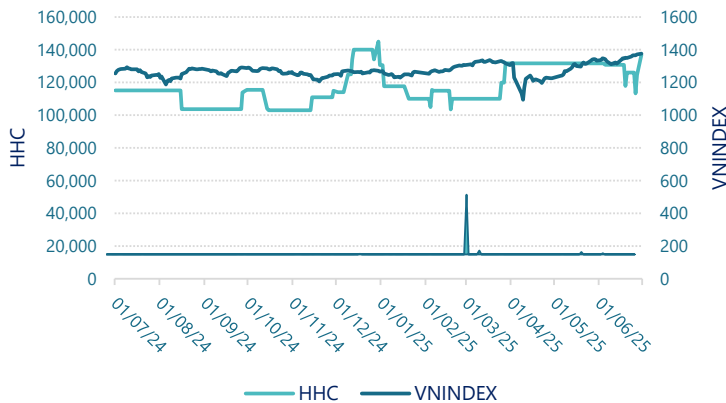




CTCP Bánh kẹo Hải Hà (HNX: HHC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	136,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	145,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	103,000
SL cổ phiếu LH	16,425,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	680
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,249
P/E	62.3
EPS	2,197

DT thuần

Q2/25

118

tỷ VNĐ

QoQ: ▼46.0| -28.1%

YoY: ▼17.0| -12.6%

LN sau thuế

Q2/25

0.64

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.53| -93.0%

YoY: ▼0.68| -51.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.2%

+/- YoY: ▼ 18.4%

DT thuần

6T 2025

282

tỷ VNĐ

YoY: ▼60.0| -17.4%

LN sau thuế

6T 2025

9.81

tỷ VNĐ

YoY: ▼12.6| -56.3%

ROE

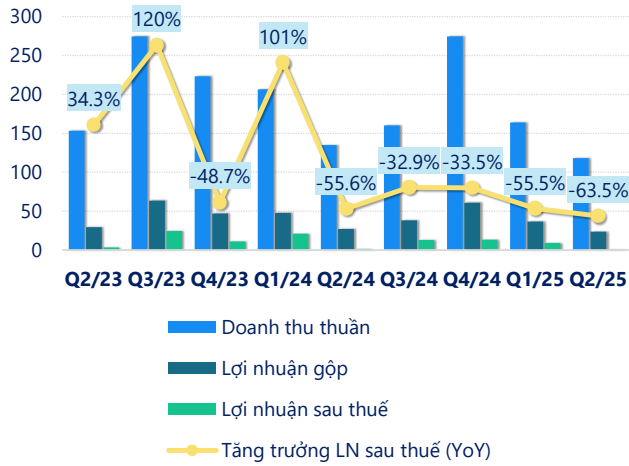
Q2/25

5.8%

+/- YoY: ▼ 3.9%

tỷ VNĐ

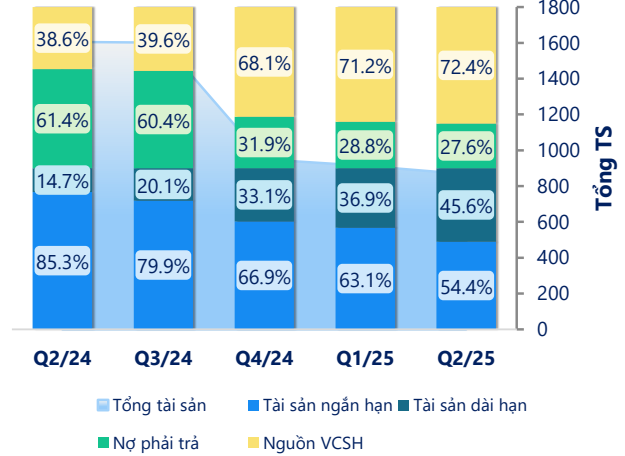
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

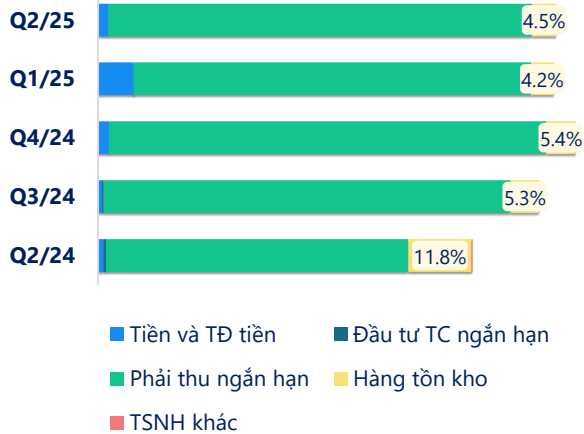
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



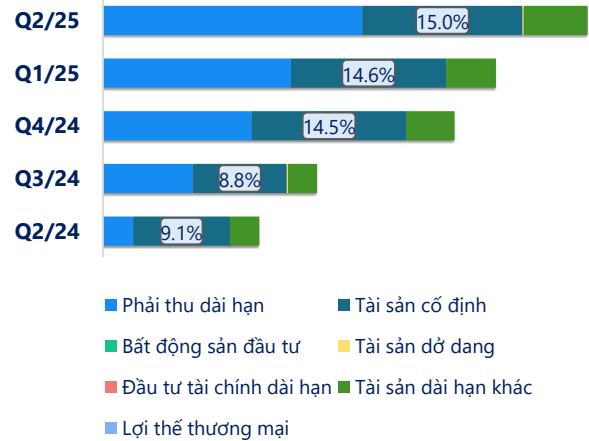
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

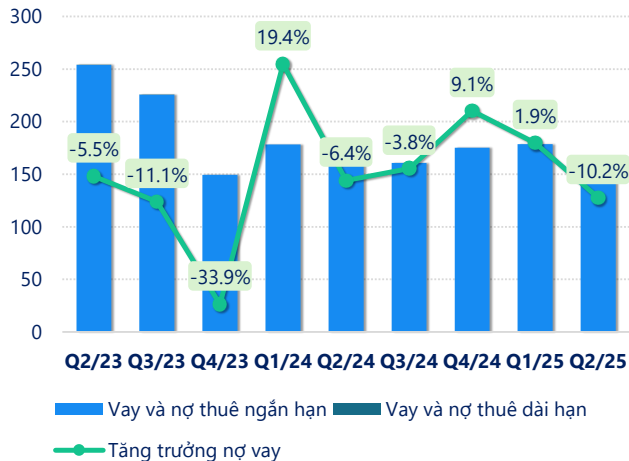
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

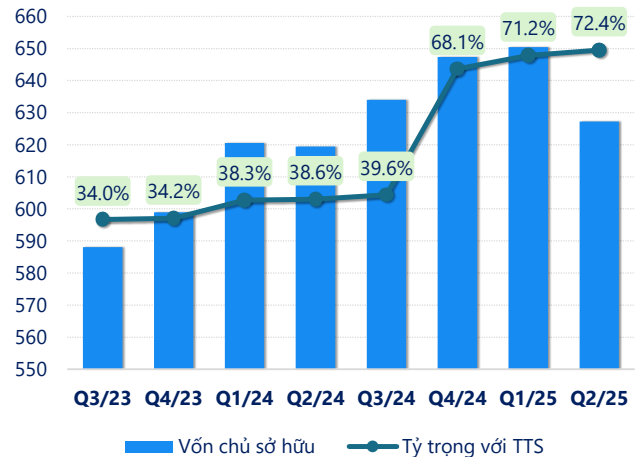
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

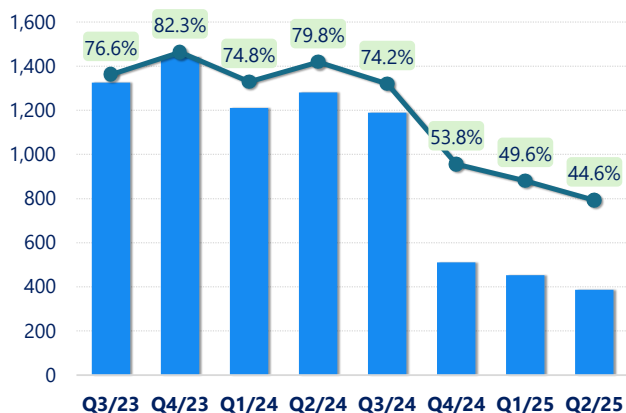
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

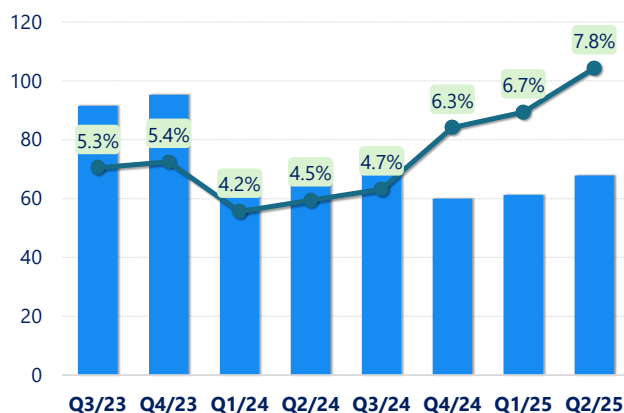
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


Phải thu ngắn hạn Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

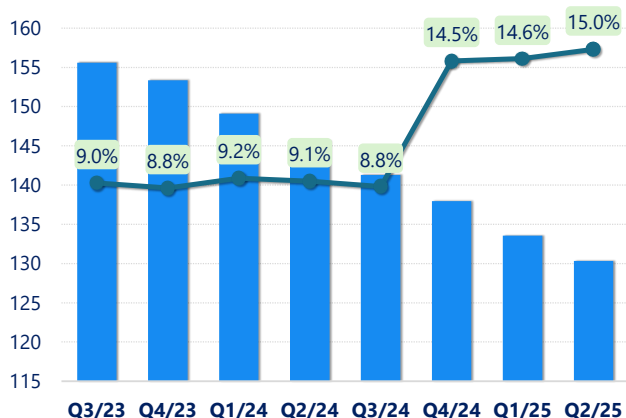
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


Hàng tồn kho Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

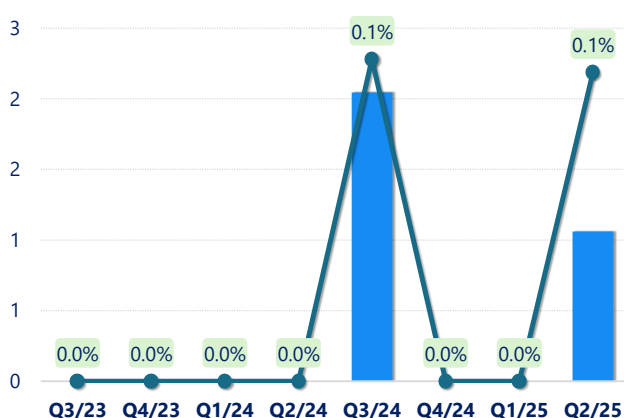
tỷ VNĐ

Tài sản cố định


Tài sản cố định Tỷ trọng với TTS

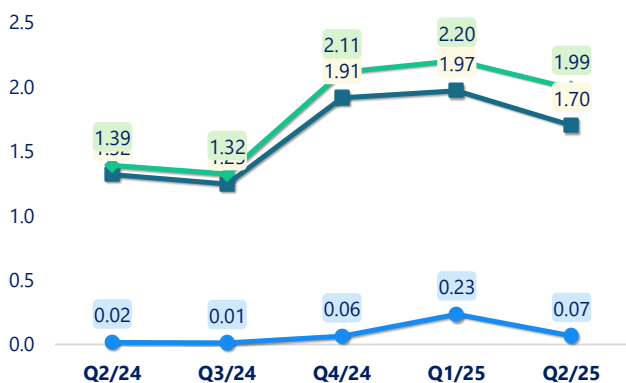
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


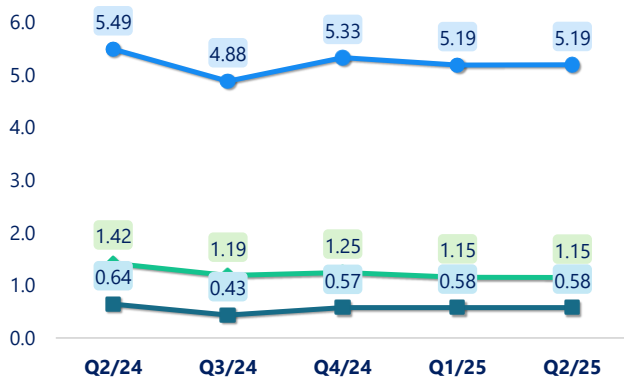
Tài sản dở dang Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,606	1,602	950	914	867
Tài sản ngắn hạn	1,369	1,279	636	576	472
Tiền và tương đương tiền	16.1	12.3	19.2	61.2	16.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	45.6	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,281	1,189	511	453	386
Hàng tồn kho	71.6	75.9	60.0	61.2	67.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	1.85	0.33	0.88	1.56
Tài sản dài hạn	236	323	314	338	395
Phải thu dài hạn	45.9	135	133	161	211
Tài sản cố định	146	141	138	134	130
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	2.05	0	0	1.06
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	44.6	43.9	43.2	42.6	52.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	986	968	303	263	239
Nợ ngắn hạn	984	966	301	261	238
Vay và nợ thuê ngắn hạn	167	161	175	179	160
Phải trả người bán ngắn hạn	20.8	26.0	19.1	11.5	8.18
Nợ dài hạn	1.93	1.88	1.91	2.00	1.88
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	619	634	647	650	627
Vốn chủ sở hữu	619	634	647	650	627
Vốn điều lệ	164	164	164	164	164
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)